

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2024.

“V/v Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dế.

2. Bà Nguyễn Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 109/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Gái, sinh năm: 19xx; Địa chỉ: Số xx, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm: 19xx; Địa chỉ: Địa chỉ: Số xx, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng có nội dung như sau: Bà và ông Trần Văn K có thời gian tìm hiểu khoảng vài tháng, sau đó sống chung, có tổ chức lễ cưới năm 19xx, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh L vào ngày 31/12/20xx. Trong quá trình sống chung, vợ chồng chung sống với gia đình chồng khoảng vài tháng thì cất nhà sinh sống riêng cho đến nay. Do ông K

không lo làm ăn, có lần ông K cầm dao rượt đuổi bà. Ông K thường xuyên bỏ nhà đi khoảng 1 năm rồi về thăm nhà. Hiện nay, vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm. Vợ chồng cắt đứt quan hệ khoảng 1 năm nay, không có nói chuyện với nhau, việc ai nấy làm, độc lập về kinh tế. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn K.

Nuôi con chung: Bà và ông K có 02 con chung tên Trần Ngọc M, sinh năm 19xx và Trần Nguyễn Duy K, sinh năm 20xx. Con chung đã trưởng thành khỏe mạnh nên bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn với ông Trần Văn K; hiện ông K đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị G và ông Trần Văn K tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/12/20xx. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông K là hợp pháp.

[4] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông K nhưng ông K không có ý kiến gì. Điều này chứng minh ông K không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà G có cơ sở chấp nhận.

[5] Nuôi con chung: Bà G và ông K có 02 con chung tên Trần Ngọc M, sinh năm 19xx và Trần Nguyễn Duy K, sinh năm 20xx. Hiện con chung đã trưởng thành khỏe mạnh, bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Chia tài sản: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[8] Về án phí: Bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc “Ly hôn” với ông Trần Văn K.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị G và ông Trần Văn K.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009560 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà G đã nộp đủ tiền án phí.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- **UBND xã B, huyện T, L;**
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa